|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**  **NHÓM ĐỊA LÝ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**A. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: ĐỊA LÍ. KHỐI LỚP 12**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 12**; Số học sinh: ; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 04; **Trình độ đào tạo**: Đại học: 04

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[1]](#footnote-1):** Tốt:04; Khá:................; Đạt:...............; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng tiết dạy** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bản đồ các nước Đông Nam Á | 01 | - Bài 2: Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 2 | Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam | 01 | - **Chủ đề: Địa hình Việt Nam**  **-** Bài 8: Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển.  - Bài 9+10: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa  - Bài 11+12: Thiên nhiên phân hóa đa dạng  - Bài 42: Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 3 | Bản đồ dân cư Việt Nam | 01 | - Bài 16: Đặc điểm dân số và phân bố dân cư | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 4 | Bản đồ kinh tế chung Việt Nam | 01 | - Chủ đề: Việt nam trong quá trình đổi mới và hội nhập | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 5 | Bản đồ nông - lâm - thủy sản Việt Nam | 01 | - Bài 22: Vấn đề phát triển nông nghiệp  - Bài 24: Vấn đề phát triển ngành thủy sản và lâm nghiệp | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 6 | Bản đồ công nghiệp - giao thông vận tải Việt Nam | 01 | - Bài 26: Cơ cấu ngành công nghiệp  - Bài 27: Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm  - Bài 28: Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp  - Bài 30: Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 7 | Bản đồ thương mại - du lịch Việt Nam | 01 | - Bài 31: Vấn đề phát triển thương mại, du lịch | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 8 | Bản đồ vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ và Đồng bằng sông Hồng | 01 | - Bài 32: Vấn đề khai thác thế mạnh ở vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ  - Bài 33: Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 9 | Bản đồ vùng Bắc Trung Bộ | 01 | - Bài 35: Vấn đề phát triển kinh tế xã hội ở Bắc Trung Bộ | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 10 | Bản đồ vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên | 01 | - Bài 36: Vấn đề phát triển kinh tế xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ  - Bài 37: Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 11 | Bản đồ vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long | 01 | - Bài 39: Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ  - Bài 41: Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[2]](#footnote-2)**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tuần** | **Bài học/ chủ đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức/địa điểm dạy học (Gợi ý)** | **Nội dung điều chỉnh và hướng dẫn thực hiện** |
| **Chung** | **Chi tiết** |
| **Học kì 1** | | | | | | |  |
| 1 | 1  (5-10/9/22) | Bài 2: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ | **1** | **1** | **1. Kiến thức:**  - Trình bày vị trí địa lí, giới hạn phạm vi lãnh thổ Việt Nam: các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của phần đất liền; phạm vi vùng đất, vùng biển, vùng trời và diện tích lãnh thổ.  - Phân tích được ảnh hưởng của vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đối với tự nhiên, kinh tế - xã hội và quốc phòng.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm, yêu quê hương đất nước. | Trên lớp. | *Bài 3. Thực hành vẽ lược đồ Việt Nam tích hợp vào chủ đề địa hình.* |
| 2 | 2  (12-17/9/22)  3  (19-24/9/22)  4  (26/9-1/10/22)  5  (3-8/10/22) | **Chủ đề*:* Địa hình**  Tiết 1,2-Bài 6,7: Đất nước nhiều đồi núi  Tiết 3,4- Bài 3, 13: Thực hành | **4** | **2**  **3**  **4**  **5** | **1. Kiến thức:**  - Đặc điểm chung của địa hình:  + Địa hình đồi núi chiếm phần lớn diện tích, nhưng chủ yếu là đồi núi thấp.  + Cấu trúc địa hình khá đa dạng.  + Địa hình của vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.  + Địa hình chịu tác động mạnh mẽ của con người.  - Các khu vực địa hình:  + Khu vực đồi núi: Vị trí, đặc điểm của các vùng núi Đông Bắc, Tây Bắc, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam, khu vực bán bình nguyên và đồi trung du.  + Khu vực đồng bằng: Vị trí, đặc điểm của Đồng bằng sông Hồng, Đồng bằng sông Cửu Long, Đồng bằng ven biển miền Trung.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm. | Trên lớp | Tích hợp nội dung thực hành bài 13  *Tiết thứ 2. Nội dung: Thế mạnh tự nhiên của các khu vực đồi núi, đồng bằng đối với phát triển kinh tế-xã hội: HS tự học*  Bài 13: bài tập 2 khuyến khích hs tự làm. |
| 3 | 6  (10-15/10/22)  7  (17-22/10/22)  8  (24-29/10/22) | Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa:  Bài 8. Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển  Bài 9,10. Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa | **3** | **6**  **7**  **8** | **Tiết 1- bài 8**  **1. Kiến thức:**  - Khái quát về biển Đông:  + Là biển rộng lớn thứ 2 trong các biển của Thái Bình Dương.  + Là biển tương đối kín.  + Nằm trong vùng nhiệt đới ẩm gió mùa.  - Ảnh hưởng của biển Đông tới thiên nhiên VN:  + Khí hậu: nhờ biển Đông mà khí hậu nước ta mang đặc tính của khí hậu hải dương, điều hòa hơn.  + Địa hình và các hệ sinh thái vùng biển đa dạng.  + TNTN vùng biển đa dạng (tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; tích hợp môi trường).  + Thiên tai: nhiều thiên tai (bão, sạt lở biển, cát bay, cát chảy).  **- Tích hợp môi trường.**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.  **Tiết 2-Bài 9**  **1. Kiến thức:**  - Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa:  + Tính chất nhiệt đới (biểu hiện, nguyên nhân).  + Lượng mưa, độ ẩm lớn (biểu hiện, nguyên nhân).  + Gió mùa (biểu hiện, nguyên nhân).  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.  **Tiết 3- Bài 10**  **1. Kiến thức:**  Phân tích các thành phần tự nhiên để thấy đặc điểm cơ bản của tự nhiên Việt Nam.  \* Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa:  - Tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa thể hiện qua các thành phần tự nhiên khác:  + Địa hình (biểu hiện, nguyên nhân).  + Sông ngòi (biểu hiện, nguyên nhân).  + Đất (biểu hiện, nguyên nhân).  + Sinh vật (biểu hiện, nguyên nhân).  **- Tích hợp môi trường.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm. | Trên lớp | *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 4 | 9  (31/10-5/11/22) | Ôn tập giữa kì I- rèn luyện kĩ năng sử dụng Atlat | **1** | **9** | **1. Kiến thức:**  Hệ thống kiến thức cơ bản từ tiết 1 - 8: Từ bài Vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ đến hết bài Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng Atlat.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ. | Trên lớp | Không ôn tập, đánh giá định kì đối với những nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm. |
| 5 | 10  (7-12/11/22) | Kiểm tra giữa kì I | **1** | **10** | **1. Kiến thức:**  Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức của học sinh và khả năng vận dụng kiến thức của học sinh vào các tình huống cụ thể sau khi học xong các nội dung: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ; Địa hình Việt Nam; Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển; Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng Atlat.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực. | Trên lớp  ( theo đề của Sở) | Không kiểm tra, đánh giá định kì đối với những nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm. |
| 6 | 11  (14-19/11/22)  12  (21-26/11/22) | **Chủ đề**  **Thiên nhiên phân hóa đa dạng**  Tiết 1- Bài 11  Tiết 2- Bài 12 | **2** | **11**  **12** | **1. Kiến thức:**  Phân tích các thành phần tự nhiên để thấy đặc điểm thiên nhiên phân hóa đa dạng:  - Thiên nhiên phân hóa theo chiều Bắc - Nam là do sự phân hóa của khí hậu:  + Đặc điểm phần lãnh thổ phía Bắc.  + Đặc điểm phần lãnh thổ phía Nam.  - Thiên nhiên phân hóa theo chiều Đông - Tây:  + Đặc điểm vùng biển và thềm lục địa.  + Đặc điểm vùng đồng bằng ven biển.  + Đặc điểm vùng đồi núi.  - Thiên nhiên phân hóa theo độ cao:  + Đặc điểm đai nhiệt đới gió mùa.  + Đặc điểm đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.  + Đặc điểm đai ôn đới gió mùa trên núi.  Phân tích và giải thích được đặc điểm cảnh quan ba miền tự nhiên nước ta:  - Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ: Phạm vi, đặc điểm cơ bản về tự nhiên, thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội.  - Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ: Phạm vi, đặc điểm cơ bản về tự nhiên, thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội.  - Miền Nam Trung Bộ và Nam Bộ: Phạm vi, đặc điểm cơ bản về tự nhiên, thuận lợi và khó khăn của tự nhiên đối với phát triển kinh tế - xã hội.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, yêu quê hương đất nước. | Trên lớp | *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 7 | 13  (28/11-3/12/22)  14  (5-10/12/22) | **Chủ đề:**  **Tài nguyên và môi trường:**  Bài 14. Sử dụng và bảo vệ TNTN  Bài 15. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai | **2** | **13**  **14** | **Tiết 1-Bài 14**  **1. Kiến thức:**  - Biết được sự suy thoái tài nguyên rừng, đất, các tài nguyên khác; một số nguyên nhân dẫn đến sự suy giảm, cạn kiệt tài nguyên và biện pháp sử dụng hợp lí, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.  **- Tích hợp môi trường.**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm.  **Tiết 2-Bài 15**  **1. Kiến thức:**  - Mốt số vấn đề về bảo vệ môi trường.  - Biểu hiện, hậu quả và biện pháp phòng chống một số loại thiên tai thường xảy ra ở nước ta:  + Bão.  + Ngập lụt.  + Lũ quét.  + Hạn hán.  + Các thiên tai khác.  **- Tích hợp môi trường.**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, trách nhiệm. | Trên lớp | Tích hợp ảnh hưởng biển đông đến thiên nhiên: Tài nguyên, thiên tai)  *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 8 | 15  (12-17/12/22)  16  (19-24/12/22)  17  (26-31/12/22) | Ôn tập cuối kì I | **3** | **15**  **16**  **17** | **1. Kiến thức:**  Ôn tập, hệ thống kiến thức, kỹ năng cơ bản trong học kì I, đặc biệt là các nội dung:  - Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.  - Đặc điểm chung của tự nhiên.  **-** Vấn đề sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  - Các kỹ năng địa lí.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ. | Trên lớp  (theo ma trận của Sở) | Không ôn tập, đánh giá định kì đối với những nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm. |
| 9 | 18  (2-7/1/23) | Kiểm tra cuối kì I | **1** | **18** | **1. Kiến thức:**  Kiểm tra kiến thức của học sinh và khả năng vận dụng kiến thức của học sinh vào các tình huống cụ thể sau khi học xong các nội dung của học kỳ I.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng số liệu thống kê.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, trách nhiệm. | Trên lớp (theo đề của Sở) | Không kiểm tra, đánh giá định kì đối với những nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm. |
| **Tổng số tiết kì 1: 18** | | | | | | | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Học kì 2** | | | | | | | |
| 1 | 19  (9-14/1/23)  20  (16-21/1/23 | **Chủ đề: Dân cư**  Bài 16. Đặc điểm dân số và phân bố dân cư  Bài 17. Lao động và việc làm  Bài 18. Phân bố dân cư. Đô thị hóa  Bài 19. Thực hành | **4** | **19**  **20**  **21**  **22** | **Tiết 1- Bài 16**  **1. Kiến thức:**  - Phân tích được một số đặc điểm dân số và phân bố dân cư Việt Nam.  - Phân tích được nguyên nhân và hậu quả của dân đông, gia tăng nhanh, sự phân bố dân cư chưa hợp lí.  **- Tích hợp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ.  **Tiết 2- Bài 17**  **1. Kiến thức:**  - Hiểu và trình bày được một số đặc điểm của nguồn lao động và việc sử dụng lao động ở nước ta.  - Hiểu vì sao việc làm đang là vấn đề gay gắt của nước ta và hướng giải quyết.  **- Tích hợp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ.  **Tiết 3- Bài 18**  **1. Kiến thức:**  - Hiểu được một số đặc điểm đô thị hoá ở Việt Nam, nguyên nhân và những tác động đến kinh tế - xã hội.  - Biết được sự phân bố mạng lưới đô thị ở nước ta.  **- Tích hợp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ.  **Tiết 4- Bài 19**  **1. Kiến thức:**  - So sánh được sự phân hóa thu nhập bình quân đầu người giữa các vùng.  **- Tích hợp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn năng lượng.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ. | Trên lớp. | ***Bài 16.*** *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 2 | 21  (23-28/1/23) | **Chủ đề**  **Việt nam trong quá trình đổi mới và hội nhập**  Tiết-Bài 1. Việt nam trong quá trình đổi mới và hội nhập.  Tiết 2-Bài 20. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế | **2** | **23**  **24** | **1. Kiến thức:**  - Biết được các thành tựu to lớn của công cuộc Đổi mới của đất nước ta.  - Hiểu được tác động của bối cảnh quốc tế và khu vực đối với công cuộc Đổi mới và những thành tựu đạt được trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực ở nước ta.  - Biết được một số định hướng chính để đẩy mạnh công cuộc Đổi mới và hội nhập.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  - Phân tích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ ở nước ta  - Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá.  - Chứng minh và giải thích được sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ ở nước ta.  - Nêu và đánh giá được vai trò của mỗi thành phần kinh tế trong nền kinh tế đất nước hiện nay.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm. | Trên lớp. | *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 3 | 22  (30/1-4/2/23)  23  (7-11/2/23) | **Chủ đề**  **Vấn đề phát triển nông - lâm - thủy sản:**  Bài 22. Vấn đề phát triển NN  Bài 23: thực hành  Bài 24. Vấn đề phát triển thủy sản, lâm nghiệp | **3** | **25**  **26**  **27** | **1. Kiến thức:**  - Trình bày được sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và sự phát triển, phân bố nông nghiệp (trồng trọt) thông qua atlat địa lí Việt Nam, bảng số liệu, tư liệu, ...  - Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.  - Trình bày được sự phát triển, phân bố nông nghiệp (chăn nuôi) thông qua atlat địa lí Việt Nam, bảng số liệu, tư liệu, ...  - Chứng minh được xu hướng chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp.  **- Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm.  **1. Kiến thức:**  - Hiểu và trình bày được điều kiện, tình hình phát triển, phân bố ngành thủy sản và một số phương hướng phát triển ngành thủy sản của nước ta.  + Những thuận lợi và khó khăn trong khai thác và nuôi trồng thủy sản:  + Tình hình phát triển và phân bố:  - Hiểu và trình bày được vai trò, tình hình phát triển và phân bó ngành lâm nghiệp, một số vấn đề lớn trong phát triển lâm nghiệp  + Vai trò của ngành lâm nghiệp về kinh tế và sinh thái  + Tình hình phát triển và phân bố ngành lâm nghiệp (trồng rừng, khai thác chế biến gỗ và lâm sản). Chú ý vấn đề suy thoái rừng và bảo vệ tài nguyên rừng.  **- Tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm. | Trên lớp | ***Bài 22***  *Mục 1. Ngành trồng trọt; phần b. Sản xuất cây thực phẩm.*  *Mục 2. Ngành chăn nuôi; phần b. Ngành chăn nuôi gia súc ăn cỏ; chăn nuôi dê, cừu: HS tự học*  *Bài 23: bài tập 1 ý b ko yêu cầu hs làm.*  ***Bài 24.*** *Mục 2. Lâm nghiệp; phần b. Tài nguyên rừng của nước ta vốn giàu có, nhưng đã bị suy thoái nhiều.*  ***Bài 21,25.*** *Cả bài: HS tự học*  *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 4 | 23  (6-11/2/23)  24  (13-18/2/23) | **Chủ đề**  **Một số vấn đề phát triển và phân bố công nghiệp**  Bài 26. Cơ cấu ngành công nghiệp  Bài 27. Vấn đề phát triển một số ngành công nghiệp trọng điểm  Bài 28. Vấn đề tổ chức lãnh thổ công nghiệp  Bài 29: Thực hành | **4** | **28**  **29**  **30**  **31** | **Tiết 1- Bài 26**  **1. Kiến thức:**  Trình bày và nhận xét được cơ cấu công nghiệp theo ngành, theo thành phần kinh tế và theo lãnh thổ và nêu một số nguyên nhân dẫn đến sự thay đổi cơ cấu ngành công nghiệp.  **- Tích hợp môi trường.**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ, Yêu nước.  **Tiết 2- Bài 27**  **1. Kiến thức:**  Hiểu và trình bày được tình hình phát triển và phân bố của một số ngành công nghiệp trọng điểm ở nước ta.  **- Tích hợp môi trường.**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ, Yêu nước.  **Tiết 3- Bài 28**  **1. Kiến thức:**  - Trình bày được khái niệm tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  - Phân biệt được một số hình thức tổ chức lãnh thổ công  nghiệp ở nước ta.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ, yêu nước.  **Tiết 4- Bài 29**  **1. Kiến thức:**  - Biết và phân tích được sự khác nhau tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  - Nhận dạng và vẽ được biểu đồ.  nghiệp ở nước ta.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ, yêu nước. | Trên lớp. | ***Bài 28.*** *Mục 2. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới tổ chức lãnh thổ công nghiệp: HS tự học*  *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 5 | 25  (20-25/2/23) | Sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ  Bài 30. Vấn đề phát triển ngành giao thông vận tải và thông tin liên lạc. Bài 31. Vấn đề phát triển thương mại và du lịch. | **2** | **32**  **33** | **Tiết 1- Bài 30**  **1. Kiến thức:**  - Trình bày được đặc điểm giao thông vận tải của nước ta: phát triển khá toàn diện; tốc độ phát triển nhanh.  - Trình bày được đặc điểm thông tin liên lạc của nước ta: phát triển khá toàn diện; tốc độ phát triển nhanh.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ, yêu nước.  **Tiết 2- Bài 31**  **1. Kiến thức:**  - Hiểu được vai trò của thương mại trong nền kinh tế thị trường  - Nắm vững tình hình, cơ cấu và phân bố của hoạt động nội thương ở nước ta  - Phân tích được đặc điểm của ngoại thương cũng như tình, cơ cấu hàng hoá và thị trường xuất nhập khẩu chủ yếu của nước ta  - Phân tích được các tài nguyên du lịch ở nước ta: tài nguyên tự nhiên, tài nguyên nhân văn.  - Hiểu và trình bày được tình hình phát triển ngành du lịch, sự phân bố của các trung tâm du lịch chính; mối quan hệ giữa phát triển du lịch và bảo vệ môi trường.  **- Tích hợp sử dụng di sản văn hóa.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, yêu nước. | Trên lớp. | *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 6 | 26  (27/2-4/3/23) | Ôn tập giữa kì II- rèn luyện kĩ năng sử dụng Atlat | **1** | **34** | **1. Kiến thức:**  Hệ thống kiến thức cơ bản từ bài 16 - 29  - Địa lí dân cư;  - Đặc điểm cơ cấu kinh tế nước ta;  - Địa lí ngành nông nghiệp.  - Địa lí ngành công nghiệp.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ. | Trên lớp | Không ôn tập, đánh giá định kì đối với những nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm. |
|  | 7  26  (27/2-4/3/23) | Kiểm tra giữa kì II | **1** | **35** | **1. Kiến thức:**  Kiểm tra, đánh giá khả năng nhận biết, thông hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản của học sinh trong phần Địa lí dân cư, chủ đề đặc điểm cơ cấu kinh tế nước ta, địa lí ngành nông nghiệp, địa lí ngành công nghiệp.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng Atlat.  **3. Phẩm chất:** Trung thực. | Trên lớp (theo đề của Sở) | Không kiểm tra, đánh giá định kì đối với những nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm. |
| 8 | 27  (6-11/3/23)  28  (13-18/3/23) | Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung Du miền núi: Bắc Bộ, Tây Nguyên  Bài 32. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung du và miền núi Bắc bộ. Bài 37. Vấn đề khai thác thế mạnh ở Tây Nguyên  Bài 38. Thực hành: So sánh về cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn giữa vùng Tây Nguyên với Trung du và miền núi Bắc Bộ. | **3** | **36**  **37**  **38** | **Tiết 1- Bài 32**  **1. Kiến thức:**  - Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.  - Phân tích việc sử dụng các thế mạnh để phát triển các ngành kinh tế của vùng; một số vấn đề đặt ra và biện pháp khắc phục:  + Khai thác, chê biến khoáng sản và thủy điện của vùng  + Trồng và chế biến cây CN, cây dược liệu, rau quả cận nhiệt, ôn đới  + Chăn nuôi gia súc  + Kinh tế biển  **- Tích hợp môi trường**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ.  **Tiết 2- Bài 37**  **1. Kiến thức:**  - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và tên các tỉnh của vùng.  - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ở Tây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, lâm nghiệp, khoáng sản (bôxit), du lịch.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm, thuỷ điện, hoạt động lâm nghiệp và bảo vệ rừng, khai thác bôxit, phát triển du lịch.  **- Tích hợp môi trường.**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ.  **Tiết 3- Bài 38**  **1. Kiến thức:**  - Củng cố thêm kiến thức về Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - Biết được những nét tương đồng về cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn giữa Tây Nguyên với Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Trên lớp. | Chỉ dạy nội dung về phạm vi lãnh thổ, tên các tỉnh, vị trí địa lí của vùng. Phần khái quát còn lại hướng dẫn HS tự học.  Cần cho HS so sánh thế mạnh của 2 vùng |
| 9 | 28  (13-18/3/23) | Bài 33: Vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng | **1** | **39** | **1. Kiến thức:**  - Phân tích được tác động của các thế mạnh và hạn chế của vị trí địa lí, điều kiện tự nhiên, dân cư, cơ sở vật chất - kĩ thuật tới sự phát triển kinh tế; những vấn đề cần giải quyết trong phát triển kinh tế - xã hội.  - Hiểu và trình bày được tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và các định hướng chính.  **- Tích hợp môi trường.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Trên lớp. | Bài 34: HS tự làm  *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 10 | 29  (20-25/3/23) | Vấn đề phát triển KT-XH: ở Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ.  Bài 35: Vấn đề phát triển kinh tế xã hội ở Bắc Trung Bộ  Bài 36: Vấn đề phát triển kinh tế xã hội ở Duyên hải Nam Trung Bộ | **2** | **40**  **41** | **Tiết 1- Bài 35**  **1. Kiến thức:**  Phân tích được sự hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp, cơ cấu công nghiệp và xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông vận tải của vùng:  - Lí do hình thành cơ cấu kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp trong vùng.  - Khai thác thế mạnh về lâm nghiệp: tiềm năng và thực trạng.  - Khai thác tổng hợp các thế mạnh về nông nghiệp của trung du, đồng bằng và ven biển: tiềm năng và thực trạng.  - Đẩy mạnh phát triển ngư nghiệp: tiềm năng và thực trạng.  - Hình thành cơ cấu công nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải: phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm và các trung tâm công nghiệp chuyên môn hóa; thực trạng xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là giao thông vận tải của vùng Băc Trung Bộ  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ.  **Tiết 2- Bài 36**  **1. Kiến thức:**  Trình bày được vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển và tầm quan trọng của vấn đề phát triển công nghiệp, cơ sở hạ tầng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng:  - Vấn đề phát triển tổng hợp kinh tế biển:  + Nghề cá: tiềm năng và thực trạng.  + Du lịch biển: tiềm năng và thực trạng.  + Dịch vụ hàng hải: tiềm năng và thực trạng.  + Khai thác khoáng sản ở thềm lục địa và sản xuất muối: tiềm năng và thực trạng.  - Phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng : tình hình phát triển, tầm quan trọng của việc phát triển công nghiệp và cơ sở hạ tầng giao thông vận tải đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng DH Nam Trung Bộ  **- Tích hợp môi trường.**  **- Giáo dục biển đảo.**  **- Tích hợp di sản.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Trên lớp. | Chỉ dạy nội dung về phạm vi lãnh thổ, tên các tỉnh, vị trí địa lí của vùng. Phần khái quát còn lại hướng dẫn HS tự học  *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 11 | 30  (27/3-1/4/23) | Bài 39. Vấn đề khai thác lãnh thổ theo chiều sâu ở Đông Nam Bộ | **1** | **42** | **1. Kiến thức:**  - Biết những nét khái quát về vùng Đông Nam Bộ.  - Chứng minh và giải thích được sự phát triển theo chiều sâu trong công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, phát triển tổng hợp kinh tế biển của ĐNB:  + Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong công nghiệp: hướng khai thác theo chiều sâu; nguyên nhân.  + Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong dịch vụ.  + Khai thác lãnh thổ theo chiều sâu trong nông nghiệp, lâm nghiệp: hướng khai thác theo chiều sâu; nguyên nhân  + Giải thích được sự cần thiết phải khai thác tổng hợp kinh tế biển và bảo vệ môi trường  **- Tích hợp môi trường.**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm. | Trên lớp. | Mục 2. Các thế mạnh và hạn chế của vùng: HS tự học  ***Bài 40.*** *Thực hành: HS tự làm*  *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 12 | 30  (27/3-1/4/23) | Bài 41. Vấn đề sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long | **1** | **43** | **1. Kiến thức:**  - Phân tích được những thuận lợi, khó khăn về thiên nhiên đối với việc phát triển kinh tế - xã hội của vùng:  + Thuận lợi: nhiều tiềm năng về đất, nước, sinh vật, ...( D. C).  + Khó khăn: mùa lũ nước ngập trên diện rộng, mùa khô kéo dài, phần lớn diện tích của đồng bằng là đất phèn, đất mặn.  - Hiểu và trình bày được một số biện pháp cải tạo, sử dụng tự nhiên:  + Khai thác hợp lí và bảo vệ môi trường.  + Nước ngọt là vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô.  + Phải duy trì và bảo vệ nguồn tài nguyên rừng.  + Cần chuyển đổi cơ cấu kinh tế.  + Trong đời sống, cần chủ động sống chung với lũ.  **- Tích hợp bảo vệ môi trường.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Trên lớp. | Chỉ dạy nội dung về phạm vi lãnh thổ, tên các tỉnh, vị trí địa lí của vùng. Phần khái quát còn lại hướng dẫn HS tự học |
| 13 | 31  (3-8/4/23) | **Chủ đề: Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông** | **2** | **44**  **45** | **1. Kiến thức:**  - Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng.  - Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước  - Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.  - Trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông.  **- Tích hợp môi trường.**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**  **- Giáo dục biển đảo.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Trên lớp. | Tích hợp khái quát biển Đông  *Sử dụng bảng phụ, Atlat Địa lý Việt Nam, Phiếu học tập…* |
| 14 | 32  (3-8/4/23)  33  (17-22/4/23)  34  (24-29/4/23) | Ôn tập cuối kì II | **6** | **46**  **47**  **48**  **49**  **50**  **51** | **1. Kiến thức:**  Hệ thống kiến thức cơ bản trong HK II:  - Địa lí dân cư;  - Chủ đề: Đặc điểm cơ cấu kinh tế nước ta;  - Địa lí ngành kinh tế;  - Địa lí vùng kinh tế.  - Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực, chăm chỉ. | Trên lớp (Theo ma trận của Sở). | Không ôn tập, đánh giá định kì đối với những nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm. |
| 15 | 35  (1-6/5/23) | Kiểm tra cuối kì II | **1** | **52** | **1. Kiến thức:**  Kiểm tra, đánh giá khả năng nhận biết, thông hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản của HS trong HK II:  - Địa lí dân cư;  - Chủ đề: Đặc điểm cơ cấu kinh tế nước ta;  - Địa lí ngành kinh tế;  - Địa lí vùng kinh tế.  - Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực. | Trên lớp  (Theo đề của Sở) | Không kiểm tra, đánh giá định kì đối với những nội dung hướng dẫn học sinh tự học, tự làm. |
| **Tổng số tiết kì 2: 34** | | | | | | | |

***\*Lưu ý:***

*- Ở cột “Yêu cầu cần đạt” kế hoạch này chỉ xoáy vào kiến thức và kỹ năng, còn năng lực và phẩm chất cần đạt cho học sinh thì tùy thuộc vào cách tổ chức dạy học của mỗi giáo viên.*

*- Ở “hoạt động trải nghiệm” nếu thầy cô nào tổ chức trải nghiệm thực tế cho HS thì rất tốt, còn không theo gợi ý GV chia nhóm, phân công nhiệm vụ, hướng dẫn học sinh tự thu thập kiến thức địa phương thông qua nhiều kênh thông tin như phim ảnh, tài liệu, thực tế...sau đó báo cáo sản phẩm bằng video, slide hay đóng tập...*

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | **Chủ đề: Biển Đông. Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông** | **2** | **Kiến thức:**  - Khái quát về biển Đông  - Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng.  - Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước  - Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.  - Trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông.  **- Tích hợp môi trường.**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả.**  **- Giáo dục biển đảo.**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:** Chăm chỉ. |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9  (11/2022) | **1. Kiến thức:**  Kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức của học sinh và khả năng vận dụng kiến thức của học sinh vào các tình huống cụ thể sau khi học xong các nội dung: Vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ; Địa hình Việt Nam; Thiên nhiên chịu ảnh hưởng sâu sắc của biển; Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng Atlat, số liệu thống kê.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực. | Viết trắc nghiệm 100% |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18  (01/2023) | **1. Kiến thức:**  Kiểm tra kiến thức của học sinh và khả năng vận dụng kiến thức của học sinh vào các tình huống cụ thể sau khi học xong các nội dung của học kỳ I.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng Atlat, số liệu thống kê.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực. | Viết trắc nghiệm 100% |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 27  (3/2023) | **1. Kiến thức:**  Kiểm tra, đánh giá khả năng nhận biết, thông hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản của học sinh trong phần Địa lí dân cư, chủ đề Việt Nam trên đường đổi mới và hội nhập, địa lí ngành nông nghiệp, địa lí ngành công nghiệp.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng Atlat, số liệu thống kê.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực. | Viết trắc nghiệm 100% |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35  (5/2023) | **1. Kiến thức:**  Kiểm tra, đánh giá khả năng nhận biết, thông hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản của HS trong HK II:  - Địa lí dân cư;  - Chủ đề: Đặc điểm cơ cấu kinh tế nước ta;  - Địa lí ngành kinh tế;  - Địa lí vùng kinh tế.  - Vấn đề phát triển kinh tế, an ninh quốc phòng ở Biển Đông và các đảo, quần đảo.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng Atlat, số liệu thống kê.  **3. Phẩm chất:** trung thực. | Viết trắc nghiệm 100% |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

.......................................................................................................................................................................................................

**B. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 2022 - 2023)

**Khối lớp: 12; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **Bài học** | **Số tiết** | | **Yêu cầu cần đạt** | **Thời điểm** | **Địa điểm** | **Chủ trì** | **Phối hợp thực hiện** | | **Điều kiện thực hiện** | |
| **Tổng** | **Chi tiết** |
| 1 | Chủ đề*:* Đất nước nhiều đồi núi | **3** | 2  3  4 | **1. Kiến thức:**  - Đặc điểm chung của địa hình:  - Các khu vực địa hình:  + Khu vực đồi núi: Vị trí, đặc điểm của các vùng núi ĐB, TB, TSB, TSN, khu vực bán bình nguyên và đồi trung du.  + Khu vực đồng bằng: Vị trí, đặc điểm của ĐBSH, ĐBSCL, đồng bằng ven biển miền Trung  - Hạn chế của khu vực địa hình đồi núi và đồng bằng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.  - Vẽ lược đồ VN, xác định một số đối tượng tự nhiên…  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm. | Tuần  2  (12-17/9/22)  3  (19-24/9/22)  4  (26/9-1/10/22) | Trên lớp | Cô Lê Thị Hoan | GV nhóm Địa | | Máy tính, giáo án… |
| 2 | **Chủ đề**  Vấn đề khai thác thế mạnh ở Trung Du miền núi:  Bắc Bộ, Tây Nguyên | **3** | 40  41  42 | **1. Kiến thức:**  - Phân tích được ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng TDMNBB.  + Vị trí địa lí:  + Ý nghĩa của vị trí địa lí đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng.  - Phân tích việc phát huy thế mạnh khai thác, chê biến khoáng sản và thủy điện của vùng; một số vấn đề đặt ra và biện pháp khắc phục: Tiềm năng và thực trạng ở TDMNBB.  - Trình bày được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ và tên các tỉnh của vùng TN  - Phân tích được các thế mạnh và hạn chế đối với phát triển kinh tế ởTây Nguyên về cây công nghiệp lâu năm.  - Trình bày được sự phát triển và phân bố của cây công nghiệp lâu năm.  - Củng cố thêm kiến thức về Tây Nguyên, Trung du và miền núi Bắc Bộ.  - Biết được những nét tương đồng về cây công nghiệp lâu năm và chăn nuôi gia súc lớn giữa Tây Nguyên với Trung du và miền núi Bắc Bộ.  **- Tích hợp môi trường**  **- Tích hợp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả**  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung**:** Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: trung thực, chăm chỉ, trách nhiệm. | 29  (20-25/3/23)  30  (27/3-1/4/23) | Trên lớp | Cô Lê Thị Hoan | GV nhóm Địa | Máy tính, giáo án… | |

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ Phó**  *Lê Thị Hoan* | *Đại Lộc, ngày 4 tháng 10 năm 2022*  **HIỆU PHÓ CHUYÊN MÔN** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN**  **TỔ ĐỊA LÍ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**A. KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC: ĐỊA LÍ. KHỐI LỚP 11**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 10**; Số học sinh:**  **; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:0**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên:** 3; **Trình độ đào tạo**: Đại học: 3

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[3]](#footnote-3):** Tốt:03; Khá:................; Đạt:...............; Chưa đạt:........

**3. Thiết bị dạy học:** *(Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bản đồ các nước trên thế giới | 01 | - Bài 1: Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.  - Bài 2: Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 2 | Bản đồ tự nhiên châu Phi | 01 | Bài 5: Một số vấn đề của khu vực và châu lục.  *Tiết 1:* Một số vấn đề của châu Phi. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 3 | Bản đồ tự nhiên châu Mĩ | 01 | Bài 5: Một số vấn đề của khu vực và châu lục.  *Tiết 2:* Một số vấn đề của khu vực Mĩ La tinh | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 4 | Bản đồ tự nhiên châu Á | 01 | Bài 5: Một số vấn đề của khu vực và châu lục.  *Tiết 3:* Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 5 | Bản đồ tự nhiên châu Phi | 01 | Bài 6: Hợp chúng quốc Hoa Kì.  *- Tiết 1*: Tự nhiên và dân cư. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 6 | Bản đồ kinh tế Hoa Kì. | 01 | Bài 6: Hợp chúng quốc Hoa Kì.  - *Tiết 2*: Kinh tế.  - *Tiết 3:* Thực hành: Tìm hiểu sự phân hóa lãnh thổ sản xuât của Hoa Kì. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 7 | Bản đồ các nước trên thế giới. | 01 | Bài 7: Liên minh châu Âu (EU)  *- Tiết 1:* EU - Liên minh khu vực lớn trên thế giới.  - *Tiết 2:* EU - Hợp tác liên kết để cùng phát triển.  - *Tiết 3:* Thực hành: Tìm hiểu về Liên minh châu Âu. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 8 | Bản đồ tự nhiên Liên Bang Nga | 01 | Bài 8: Liên bang Nga  *- Tiết 1:* Tự nhiên, dân cư và xã hội. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 9 | Bản đồ kinh tế Liên bang Nga. | 01 | Bài 8: Liên bang Nga  - *Tiết 2:* Kinh tế.  - *Tiết 3:* Thực hành: Tìm hiểu sự thay đổi GDP và phân bố nông nghiệp của Liên Bang Nga. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 10 | Bản đồ tự nhiên Nhật Bản | 01 | Bài 9: Nhật Bản.  *Tiết 1*: Tự nhiên, dân cư và tình hình phát triển kinh tế. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 11 | Bản đồ kinh tế Nhật Bản. | 01 | Bài 9: Nhật Bản  *Tiết 2*: Các ngành kinh tế và các vùng kinh tế. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 12 | Bản đồ tự nhiên Trung Quốc. | 01 | Bài 10: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc).  *Tiết 1:* Tự nhiên dân cư và xã hội. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 13 | Bản đồ kinh tế Trung Quốc | 01 | Bài 10: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc).  *Tiết 2:* Kinh tế | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 14 | Bản đồ tự nhiên Đông Nam Á | 01 | Bài 11: Khu vực Đông Nam Á  Tiết 1:Tự nhiên, dân cư và xã hội | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 15 | Bản đồ kinh tế Đông Nam Á | 01 | Bài 11: Khu vực Đông Nam Á  Tiết 2:Kinh tế | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 16 | Bản đồ dân cư Ôxtrâylia | 01 | Bài 12: Thực hành: Tìm hiểu về dân cư Ô-xtrây-li-a. | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học 2**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Bài học**  **(1)** | **số tiết**  **(2)** | | | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Địa điểm dạy học** | **Nội dung điều chỉnh và hướng dẫn thực hiện** |
|  | Học kì 1: 18 | Tổng | | Chi tiết |  | | |
| **1** | **Bài 1. Sự tương phản trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước…** | **1** | **1** | | **1. Kiến thức:**  – Phân biệt được các nước trên thế giới theo trình độ phát triển kinh tế: nước phát triển, nước đang phát triển, nước công nghiệp mới (NIC).  – Trình bày được sự khác biệt về kinh tế và một số khía cạnh xã hội của các nhóm nước.  – Sử dụng được bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được  bảng số liệu về kinh tế - xã hội của các nhóm nước.  – Thu thập được tư liệu về kinh tế - xã hội của một số nước từ các nguồn khác nhau.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | - Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn | Đã thực hiện |
| **2** | **Bài 2, 3,4**  **Chủ đề: Các vấn đề toàn cầu.**  - Tiết 1: Xu hướng TCH, KVH  - Tiết 2: Một số vấn đề mang tính toàn cầu  -Tiết 3: Thực hành: Cơ hội và thách thức của TCH với các nước đang phát triển | **3** | **2**  **3**  **4** | | **1. Kiến thức:**  - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hoá, khu vực hóa.  - Biết lí do hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực và một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên TG.  - Hiểu được những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển.  - Giải thích được tình trạng già hoá dân số ở các nước phát triển.  - Biết giải thích được đặc điểm dân số của thế giới, của các nhóm nước và hệ quả của nó.  - Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân cuả ô nhiễm môi trường; phân tích được hậu quả của ô nhiễm môi trường; nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường.  - Hiểu được nguy cơ chiến tranh và sự cần thiết phải bảo vệ hoà bình.  - Sử dụng bản đồ thế giới để nhận biết lãnh thổ của các liên kết kinh tế khu vực.  - Phân tích số liệu, tư liệu để nhận biết quy mô, vai trò đối với thị trường quốc tế của các liên kết kinh tế khu vực.  - Thu thập và xử lí thông tin, thảo luận nhóm và viết báo cáo về một số vấn đề mang tính toàn cầu.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | - Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn | Đã thực hiện |
| **3** | **Bài 5.**  **Chủ đề: Một số vấn đề của Châu lục & Khu vực**  Tiết 1: Châu Phi  Tiết 2: Mĩ Latinh  Tiết 3: Tây Nam Á và Trung Á | **3** | **5**  **6**  **7** | | **1. Kiến thức:**  *-* Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở châu Phi, Mĩ La tinh, Tây Nam Á & Trung Á.  *-* Trình bày được một số vấn đềcần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở châu Phi, Mĩ La tinh  - Trình bày được một số vấn đề kinh tế- xã hội của khu vực Tây Nam á và khu vực Trung á *(vai trò cung cấp dầu mỏ; xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố)*  - Ghi nhớ một số địa danh của các Châu lục và khu vực.  - Phân tích số liệu, tư liệu về một số vấn đề kinh tế - xã hội của châu Phi *(dân số, tốc độ tăng trưởng kinh tế);* Mĩ la tinh *(so sánh GDP, nợ nước ngoài của các quốc gia);* Khu vực Tây Nam Á và Trung á *(vai trò cung cấp năng lượng cho Thế giới)*  - Sử dụng BĐ các nước trên TG để phân tích ý nghĩa vị trí địa lí của KV Tây Nam Á và Trung Á: vị trí chiến lược trên đường thông thương giữa 3 châu lục, tiếp giáp một số cường quốc  - Đọc và phân tích các thông tin địa lí từ các nguồn thong tin về chính trị, thời sự quốc tế.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | - Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn |  |
| **4** | **Ôn tập** | **1** | **8** | | **1. Kiến thức:**  - Củng cố, khắc sâu các kiến thức đã học từ bài 1→ bài 5 cho HS.  - Rèn luyện một số kĩ năng: Nhận xét BSL, làm việc với bản đồ, nhận dạng một số biểu đồ.  - Đòi hỏi sự nghiêm túc ở HS.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Dạy học tập trung tại lớp |  |
| **5** | **Kiểm tra giữa kì 1** | **1** | **9** | | **1. Kiến thức:**  - Kiểm tra mức độ nắm kiến thức của HS  - Kiểm tra khả năng vận dụng kiến thức đã học của HS vào việc trả lời câu hỏi  - Kiểm tra trình độ của HS ở mức: Giỏi, khá, TB, Yếu.  - Rèn luyện kỉ năng trả lời câu hỏi trắc nghiệm ở 4 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng thấp, vận dụng cao.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực. | Dạy học tập trung tại lớp | - Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, hướng dẫn của Sở |
| **6** | **Bài 6. Hoa Kì.** | **3** |  | |  |  |  |
| ***Tiết 1.*** Tự nhiên và dân cư. |  | **10** | | **1. Kiến thức:**  - Biết vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Hoa Kì.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên, đặc điểm dân cư và phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.  - Sử dụng bản đồ Hoa Kì để phân tích đặc điểm địa hình và sự phân bố khoáng sản, dân cư Hoa Kì.  - Phân tích số liệu, tư liệu về tự nhiên, dân cư, so sánh sự khác biệt giữa các vùng.  - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kì.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | - Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn |  |
| ***Tiết 2.*** Kinh tế.  ***Tiết 3***: Thực hành: Tìm hiểu sự phân hóa lãnh thổ sản xuất của Hoa Kỳ. |  | **11**  **12** | | **1. Kiến thức:**  - Trình bày và giải thích được đặc điểm của nền kinh tế hàng đầu thế giới; trình bày được sự phát triển, phân bố của các ngành kinh tế (công nghiệp, dịch vụ), sự chuyển dịch cơ cấu ngành và sự phân hoá lãnh thổ của nền kinh tế Hoa Kì.  - Ghi nhớ được một số địa danh  - Sử dụng bản đồ Hoa Kì để phân tích các ngành kinh tế và các vùng kinh tế.  - Phân tích được các số liệu, tư liệu về kinh tế Hoa Kì; so sánh sự khác biệt giữa các vùng.  - Khai thác được thông tin từ các nguồn khác nhau về địa lí Hoa Kì.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | - Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn |  |
| **7** | **Bài 7. Liên minh châu Âu (EU)** | **3** |  | |  |  |  |
| ***Tiết 1.*** EU -Liên minh khu vực lớn trên thế giới  ***Tiết 2.*** EU –Hợp tác, liên kết để cùng phát triển  Tiết 3: Thực hành: Tìm hiểu về Liên minh châu Âu. |  | **13**  **14**  **15** | | **1. Kiến thức:**  - Trình bày được lí do hình thành, quy mô, vị trí của EU.  - Phân tích được vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới: trung tâm kinh tế và tổ chức thương mại hàng đầu của thế giới.  - Trình bày được các biểu hiện của hợp tác và mối liên kết toàn diện giữa các nước trong EU  - Ghi nhớ được một số địa danh  - Sử dụng bản đồ để nhận biết các nước thành viên của EU  - Phân tích được các sơ đồ, lược đồ trong bài.  - Phân tích các bảng số liệu, tư liệu  - Kỹ năng phân tích bảng số liệu, vẽ biểu đồ.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | - Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn | *tiết 4: HS tự làm* |
| **8** | **Bài 8. Liên Bang Nga** | **1** |  | |  |  |  |
| ***Tiết 1.*** Tự nhiên - dân cư - xã hội |  | **16** | | **1. Kiến thức:**  - Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ LBN.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích những thuận lợi và khó khăn đối với phát triển KT.  - Phân tích các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng đến phát triển kinh tế.  - Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế  - Ghi nhớ một số địa danh  - Sử dụng bản đồ để nhận biết và phân tích đặc điểm tự nhiên, phân bố dân cư, đô thị của LBN.  - Phân tích số liệu, tư liệu về biến động dân cư LBN.  - Phân tích được bảng số liệu, biểu đồ, tư liệu về tình hình phát triển kinh tế Nga  - Rèn kĩ năng vẽ biểu đồ và nhận xét.  - Dựa vào bản đồ, lược đồ, nhận xét sự phân bố của sản xuất nông nghiệp.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | - Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn kết hợp hướng dẫn HS làm việc tại nhà |  |
| **8** | **Ôn tập** | **1** | **17** | | **1. Kiến thức:**  - Hệ thống kiến thức đã được học ở học kỳ I.  - Rèn luyện những kĩ năng địa lí cơ bản: Kĩ năng đọc bản đồ, biểu đồ; phân tích, nhận xét biểu đồ, bảng số liệu thống kê; khái quát hóa kiến thức.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Dạy học tập trung tại lớp |  |
| **9** | **Kiểm tra cuối kì 1** | **1** | **18** | | **1. Kiến thức:**  - Kiểm tra kiến thức của học sinh và khả năng vận dụng kiến thức của HS vào các tình huống cụ thể sau khi học xong chương trình HK I  - Rèn luyện những kĩ năng địa lí cơ bản: Kĩ năng đọc bản đồ, biểu đồ; phân tích, nhận xét biểu đồ, bảng số liệu thống kê; khái quát hóa kiến thức; kĩ năng làm bài thi môn Địa lí.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực. | Theo KH của Sở và nhà trường | Theo KH chung của Sở |
|  | **HỌC KÌ 2: 17 tiết** | | | | | | |
| **1** | **Bài 8. Liên Bang Nga(tt)**  **Tiết 2: Kinh tế**  **Tiết 3: Thực hành.** | **2** | **19**  **20** | | - Trình bày được tình hình phát triển các ngành kinh tế  - Ghi nhớ một số địa danh  - Sử dụng bản đồ để nhận biết và phân tích đặc điểm tự nhiên, phân bố dân cư, đô thị của LBN.  - Phân tích số liệu, tư liệu về biến động dân cư LBN.  - Phân tích được bảng số liệu, biểu đồ, tư liệu về tình hình phát triển kinh tế Nga  - Rèn kĩ năng vẽ biểu đồ và nhận xét.  - Dựa vào bản đồ, lược đồ, nhận xét sự phân bố của sản xuất nông nghiệp.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. |  |  |
| **2** | **Bài 9: Chủ đề Nhật Bản.** | **3** |  | |  |  |  |
|  | ***Tiết 1*:** Tự nhiên, dân cư  ***Tiết 2***: Tình hình phát triển kinh tế. Các ngành kinh tế và các vùng kinh tế.  ***Tiết 3***: Thực hành: Tìm hiểu kinh tế đối ngoại của Nhật. |  | **21**  **22**  **23** | | **1. Kiến thức:**  - Biết được vị trí, phạm vi lãnh thổ Nhật Bản  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế  - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới phát triển kinh tế.  - Trình bày và giải thích được tình hình kinh tế Nhật Bản từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay  - Trình bày và giải thích được sự phát triển và phân bố một số ngành kinh tế chủ yếu của Nhật Bản  *-* Hiểu được đặc điểm các hoạt động kinh tế đối ngoại của Nhật Bản  - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày một số đặc điểm địa hình, tài nguyên khoáng sản, sự phân bố một số ngành công nghiệp, nông nghiệp của Nhật Bản.  - Nhận xét các bản đồ, số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Nhật Bản.  *-* Vẽ biểu đồ- Nhận xét biểu đồ  - Hình thành và phát triển năng lực tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề, hợp tác, xử lí số liệu, sử dụng bản đồ.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | - Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn. | *Tiết 2-Mục II: HS tự làm* |
| **3** | **Bài 10. Cộng hòa nhân dân Trung Hoa**  **(Trung Quốc).** | **2** |  | |  |  |  |
| ***Tiết 1*:** Tự nhiên, dân cư và xã hội.  ***Tiết 2***: Kinh tế |  | **24**  **25** | | **1. Kiến thức:**  - Biết được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ Trung Quốc.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên tài nguyên thiên nhiên và phân tích được những thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế.  - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.  - Hiểu và phân tích được đặc điểm một số ngành kinh tế chủ chốt và vị thế của nền kinh tế Trung Quốc trên thế giới ; phân tích được nguyên nhân phát triển kinh tế.  - Giải thích được sự phân bố của một số ngành kinh tế Trung Quốc; sự tập trung các đặc khu kinh tế tại vùng duyên hải.  - Hiểu được quan hệ đa dạng giữa Trung Quốc và Việt Nam.  - Ghi nhớ một số địa danh  - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày sự khác biệt về tự nhiên, về sự phân bố dân cư và kinh tế giữa miền Đông và miền Tây của Trung Quốc.  - Phân tích các số liệu, tư liệu về thành tựu phát triển kinh tế của Trung Quốc.  - Hình thành và phát triển năng lực tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề, hợp tác, xử lí số liệu, sử dụng bản đồ.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ | - Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn. | *Tiết 3: HS tự làm* |
| **4** | **Ôn tập** | **1** | **26** | | **1. Kiến thức:**  - Hệ thống hoá lại kiến thức  - Rèn luyện một số kĩ năng vẽ các loại biểu đồ, nhận xét và phân tích bảng số liệu  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Dạy học tập trung tại lớp |  |
| **5** | **Kiểm tra giữa kì 2** | **1** | **27** | | **1. Kiến thức:**  - Phát hiện sự phân hóa về trình độ học lực của HS trong quá trình dạy học, để đặt ra các biện pháp dạy học cho phù hợp  - Giúp HS nhậnbiết được khả năng học tập của mình so với mục tiêu đề ra.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:** Chăm chỉ, trung thực. | Dạy học tập trung tại lớp | - Tổ chức kiểm tra theo kế hoạch, hướng dẫn của Sở |
| **6** | **Bài 11.**  **Chủ đề: Đông Nam Á** | **4** |  | |  |  |  |
|  |  | **28**  **29**  **30**  **31** | | **1. Kiến thức:**  **-** Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ khu vực ĐNA  **-** Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.  **-** Phân tích được những thuận lợi, khó khăn của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  **-** Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.  **-** Trình bày và giải thích được một số đặc điểm kinh tế.  - Hiểu được mục tiêu của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN); cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá;  - Hiểu được sự hợp tác đa dạng của Việt Nam với các nước trong Hiệp hội.  - Ghi nhớ một số địa danh  - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí các nước thành viên, đặc điểm chung về địa hình, khoáng sản, phân bố một số ngành kinh tế của các nước ASEAN.  - Nhận xét các số liệu, tư liệu về kết quả phát triển kinh tế của các nước ASEAN.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Dạy học tập trung tại lớp | *Tiết 3-Mục II, HS tự học* |
| **7** | **Ô-Xtrây-li-a** | **1** |  | |  |  |  |
| ***Tiết 2.*** Thực hành – Tìm hiểu vê dân cư Ô-Xtrây-li-a. |  | **32** | | **1. Kiến thức:**  - Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.  - Sử dụng bản đồ để trình bày các đặc điểm dân dư và phân bố dân cư Ô-xtrây-li-a  - Nhận xét các số liệu, tư liệu về vấn đề dân cư của Ô-xtrây-li-a.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Dạy học tập trung/ tại lớp hoặc phòng bộ môn | *Tiết 1: HS tự học* |
| **8** | **Ôn tập** | **2** | **33**  **34** | | **1. Kiến thức:**  - Hệ thống kiến thức đã được học ở học kỳ II.  - Vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế  - Rèn luyện những kĩ năng địa lí cơ bản: Kĩ năng đọc bản đồ, biểu đồ; phân tích, nhận xét biểu đồ, bảng số liệu thống kê; khái quát hóa kiến thức.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | Dạy học tập trung tại lớp |  |
| 9 | **Kiểm tra cuối kì II** | **1** | **35** | | **1. Kiến thức:**  - Kiểm tra kiến thức của học sinh và khả năng vận dụng kiến thức của HS vào các tình huống cụ thể sau khi học xong chương trình HK II  - Rèn luyện những kĩ năng địa lí cơ bản: Kĩ năng đọc bản đồ, biểu đồ; phân tích, nhận xét biểu đồ, bảng số liệu thống kê; khái quát hóa kiến thức; kĩ năng làm bài thi môn Địa lí.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ, trung thực. | Theo yêu cầu của Sở và nhà trường | Theo KH chung của Sở |

***\*Lưu ý:***

*- Ở cột “Yêu cầu cần đạt” kế hoạch này chỉ xoáy vào kiến thức và kỹ năng, còn năng lực và phẩm chất cần đạt cho học sinh thì tùy thuộc vào cách tổ chức dạy học của mỗi giáo viên.*

**2. Chuyên đề lựa chọn (đối với cấp trung học phổ thông)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chuyên đề**  **(1)** | **Số tiết**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** |
| 1 | **Bài 11.**  **Chủ đề: Đông Nam Á** | **4** |  |
| 2 |  |  | **1. Kiến thức:**  **-** Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ khu vực ĐNA  **-** Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.  **-** Phân tích được những thuận lợi, khó khăn của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  **-** Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.  **-** Trình bày và giải thích được một số đặc điểm kinh tế.  - Hiểu được mục tiêu của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN); cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá;  - Hiểu được sự hợp tác đa dạng của Việt Nam với các nước trong Hiệp hội.  - Ghi nhớ một số địa danh  - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí các nước thành viên, đặc điểm chung về địa hình, khoáng sản, phân bố một số ngành kinh tế của các nước ASEAN.  - Nhận xét các số liệu, tư liệu về kết quả phát triển kinh tế của các nước ASEAN.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. |

*(1) Tên bài học/chuyên đề được xây dựng từ nội dung/chủ đề/chuyên đề (được lấy nguyên hoặc thiết kế lại phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường) theo chương trình, sách giáo khoa môn học/hoạt động giáo dục.*

*(2) Số tiết được sử dụng để thực hiện bài học/chủ đề/chuyên đề.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt theo chương trình môn học: Giáo viên chủ động các đơn vị bài học, chủ đề và xác định yêu cầu (mức độ) cần đạt.*

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian**  **(1)** | **Thời điểm**  **(2)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(3)** | **Hình thức**  **(4)** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 9  (11/2022) | **1. Kiến thức:**  - Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.  - Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.  - Một số vấn đề mang tính toàn cầu.  - Một số vấn đề của châu Phi.  - Một số vấn đề của khu vực Mĩ La tinh.  - Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ. Sử dụng số liệu thống kê.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18  (01/2023) | **1. Kiến thức:**  - Khái quát kinh tế - xã hội thế giới.  - Địa lí khu vực và quốc gia (đến Liên Bang Nga tiết 1)  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ. Sử dụng số liệu thống kê.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26  (4/2023) | **1. Kiến thức:**  - Liên Bang Nga.  - Nhật Bản.  - Trung Quốc.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ. Sử dụng số liệu thống kê.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35  (5/2023) | **1. Kiến thức:**  - Liên Bang Nga.  - Nhật Bản.  - Trung Quốc.  - Đông Nam Á.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ. Sử dụng số liệu thống kê.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Trung thực. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |

*(1) Thời gian làm bài kiểm tra, đánh giá.*

*(2) Tuần thứ, tháng, năm thực hiện bài kiểm tra, đánh giá.*

*(3) Yêu cầu (mức độ) cần đạt đến thời điểm kiểm tra, đánh giá (theo phân phối chương trình).*

*(4) Hình thức bài kiểm tra, đánh giá: viết (trên giấy hoặc trên máy tính); bài thực hành; dự án học tập.*

**III. Các nội dung khác (nếu có):**

.......................................................................................................................................................................................................

**B. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

(Năm học 20212 - 2023)

**Khối lớp: 11; Số học sinh:…………….**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề**  **(1)** | **Yêu cầu cần đạt**  **(2)** | **Số tiết**  **(3)** | **Thời điểm**  **(4)** | **Địa điểm**  **(5)** | **Chủ trì**  **(6)** | **Phối hợp**  **(7)** | **Điều kiện thực hiện**  **(8)** |
| 1 | **Bài 5.**  **Chủ đề: Một số vấn đề của Châu lục & Khu vực**  Tiết 1: Châu Phi  Tiết 2: Mĩ Latinh  Tiết 3: Tây Nam Á và Trung Á | **1. Kiến thức:**  *-* Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của các nước ở châu Phi, Mĩ La tinh, Tây Nam Á & Trung Á.  *-* Trình bày được một số vấn đềcần giải quyết để phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia ở châu Phi, Mĩ La tinh  - Trình bày được một số vấn đề kinh tế- xã hội của khu vực Tây Nam á và khu vực Trung á *(vai trò cung cấp dầu mỏ; xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố)*  - Ghi nhớ một số địa danh của các Châu lục và khu vực.  - Phân tích số liệu, tư liệu về một số vấn đề kinh tế - xã hội của châu Phi *(dân số, tốc độ tăng trưởng kinh tế);* Mĩ la tinh *(so sánh GDP, nợ nước ngoài của các quốc gia);* Khu vực Tây Nam Á và Trung á *(vai trò cung cấp năng lượng cho Thế giới)*  - Sử dụng BĐ các nước trên TG để phân tích ý nghĩa vị trí địa lí của KV Tây Nam Á và Trung Á: vị trí chiến lược trên đường thông thương giữa 3 châu lục, tiếp giáp một số cường quốc  - Đọc và phân tích các thông tin địa lí từ các nguồn thong tin về chính trị, thời sự quốc tế.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | 3 | 10/2022 | Trên lớp | Thầy Trần Văn Chanh | Cô Lê Thị Hoan, Nguyễn Thị Linh | Phòng máy, máy tính |
| 2 | **Bài 11.**  **Chủ đề: Đông Nam Á** | **1. Kiến thức:**  **-** Xác định được vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ khu vực ĐNA  **-** Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên.  **-** Phân tích được những thuận lợi, khó khăn của đặc điểm tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển kinh tế.  **-** Phân tích được các đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của chúng tới kinh tế.  **-** Trình bày và giải thích được một số đặc điểm kinh tế.  - Hiểu được mục tiêu của Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN); cơ chế hoạt động, một số hợp tác cụ thể trong kinh tế, văn hoá;  - Hiểu được sự hợp tác đa dạng của Việt Nam với các nước trong Hiệp hội.  - Ghi nhớ một số địa danh  - Sử dụng bản đồ để nhận biết và trình bày được vị trí các nước thành viên, đặc điểm chung về địa hình, khoáng sản, phân bố một số ngành kinh tế của các nước ASEAN.  - Nhận xét các số liệu, tư liệu về kết quả phát triển kinh tế của các nước ASEAN.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Tư duy tổng hợp theo lãnh thổ; Sử dụng bản đồ; sử dụng tranh ảnh.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Chăm chỉ. | 4 | 4/2023 | Trên lớp | Thầy Trần Văn Chanh | Cô Lê Thị Hoan, Nguyễn Thị Linh | Phòng máy, máy tính |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TRƯỜNG:** THPT ĐỖ ĐĂNG TUYỂN  **TỔ:** SỬ - ĐỊA – GDCD  NHÓM: ĐỊA LÝ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |  |  |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

**MÔN HỌC: ĐỊA LÍ; KHỐI LỚP 10 (BỘ SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG)**

(Năm học 2022 - 2023)

**I. Đặc điểm tình hình**

**1. Số lớp:** 10. **Số học sinh:** ...................**; Số học sinh học chuyên đề lựa chọn** (nếu có)**:……………**

**2. Tình hình đội ngũ: Số giáo viên: 3.** **Trình độ đào tạo**: Cao đẳng: 0. Đại học: 3 Trên đại học: 0

**Mức đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên [[4]](#footnote-4):** Tốt: 3 Khá: 0 .Đạt: 0. Chưa đạt: 0

**3. Thiết bị dạy học:** (Trình bày cụ thể các thiết bị dạy học có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Thiết bị dạy học** | **Số lượng** | **Các bài thí nghiệm/thực hành** | **Ghi chú** |
| 1 | Bản đồ tự nhiên Việt Nam | 01 | - Bài 2. Sử dụng bản đồ  - Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất  - Bài 14. Vỏ địa lí. Quy luật thống nhất và hoàn chỉnh | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 2 | Bản đồ dân cư Việt Nam | 01 | - Bài 2. Sử dụng bản đồ | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 3 | Bản đồ kinh tế chung Việt Nam | 01 | - Bài 2. Sử dụng bản đồ | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 4 | Quả địa cầu | 01 | - Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng  - Bài 4. Hệ quả địa lí các chuyển động chính của Trái Đất | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 5 | Bản đồ các mảng kiến tạo và các vành đai động đất, núi lửa | 01 | - Bài 3. Trái Đất. Thuyết kiến tạo mảng  - Bài 5. Thạch quyển. Nội lực và tác động của nội lực đến địa hình bề mặt Trái Đất | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 6 | Bản đồ tự nhiên thế giới. | 01 | - Bài 6. Ngoại lực và tác động của ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất  - Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí  - Bài 8. Khí áp, gió và mưa  - Bài 10. Thủy quyển. Nước trên lục địa  - Bài 11. Nước biển và đại dương  - Bài 29. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên  - Bài 30. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 7 | Bản đồ khí hậu thế giới | 01 | - Bài 7. Khí quyển. Nhiệt độ không khí  - Bài 8. Khí áp, gió và mưa  - Bài 9. Thực hành: Đọc bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất. Phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 8 | Bản đồ các kiểu thảm thực vật và các nhóm đất chính trên Trái Đất | 01 | - Bài 12. Đất và sinh quyển  - Bài 13. Thực hành: Phân tích bản đồ, sơ đồ về phân bố của đất và sinh vật trên thế giới  - Bài 15. Quy luật địa đới và phi địa đới | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 9 | Bản đồ dân cư thế giới | 01 | - Bài 16. Dân số và gia tăng dân số. Cơ cấu dân số  - Bài 17. Phân bố dân cư và đô thị hóa | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 10 | Bản đồ nông nghiệp thế giới | 01 | - Bài 20. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản  - Bài 21. Địa lí các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản  - Bài 22. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 11 | Bản đồ công nghiệp thế giới | 01 | - Bài 23. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp  - Bài 24. Địa lí một số ngành công nghiệp  - Bài 25. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 12 | Bản đồ giao thông vận tải thế giới | 01 | Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 13 | Bản đồ thương mại thế giới | 01 | Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |
| 14 | Bản đồ du lịch thế giới | 01 | Bài 28. Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch | Có thế thay thế bằng file ảnh trình chiếu |

**4. Phòng học bộ môn/phòng thí nghiệm/phòng đa năng/sân chơi, bãi tập** (Trình bày cụ thể các phòng thí nghiệm/phòng bộ môn/phòng đa năng/sân chơi/bãi tập có thể sử dụng để tổ chức dạy học môn học/hoạt động giáo dục)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên phòng** | **Số lượng** | **Phạm vi và nội dung sử dụng** | **Ghi chú** |
| 1 | Nhà đa năng | 1 | Sinh hoạt ngoại khóa bộ môn cả khối lớp |  |
| 2 | Phòng thư viện | 1 | Tìm kiếm tài liệu, bổ sung nội dung kiến thức, mở rộng kiến thức, hình thành năng lực cho học sinh. |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

**II. Kế hoạch dạy học[[5]](#footnote-5)**

**1. Phân phối chương trình**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** | **Ghi chú** |
| 1 | Bài 1. Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Khái quát được những đặc điểm cơ bản của môn Địa lí.  - Xác định được vai trò của môn Địa lí đối với đời sống  - Liên hệ kiến thức môn Địa lí đã học, mối quan hệ giữa kiến thức môn Địa lí và kiến thức các môn học có liên quan.  - Xác định được các ngành nghề có liên quan đến kiến thức địa lí, giải thích được tại sao kiến thức môn Địa lí lại có lợi thế và phát huy tốt trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau trong cuộc sống.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.  - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ  môn học.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn để thực tiễn.  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  – Yêu thích và gắn bó với nghề nghiệp liên quan đến môn Địa lí, |  |
| 2 | Bài 2. Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Phân biệt được một số phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí lên bản đồ phương pháp kí hiệu, phương pháp kí hiệu đường chuyển động, phương pháp bản đồ – biểu đồ, phương pháp chấm điểm, phương pháp khoanh vùng...  - Nhận biết các phương pháp thể hiện đối tượng địa lí trên các bản đồ bất kì.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích hiện tượng và quá trình địa lí.  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (atlat địa lí, khai thác internet trong học tập.)  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học phát hiện phương pháp tiến hành ở từng bản đồ cụ thể, có thể tự xây dựng và xác định từng phương pháp biểu hiện các đối tượng trên bản đồ theo yêu cầu,...  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  – Trần trong các sản phẩm bản đó trong quá trình sử dụng |  |
| 3 |
| 4 | Bài 3. Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống. | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Sử dụng bản đồ trong học tập địa lí và đời sống.  - Xác định và sử dụng được một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.  2. Về năng lực  – Năng lực nhận thức khoa học địa lý nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, phân tích mới liên hệ giữa các hiện tượng.  - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet trong học tập.  – Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống: sử dụng được các ứng dụng của GPS và bản đó số trong thực tế.  - Năng lực chung; năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  3. Về phẩm chất  – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  – Sử dụng các ứng dụng của GPS và bản đồ số hiệu quả, lành mạnh |  |
| 5 | Bài 4. Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái đất | 1 | 1. Về kiến thức kĩ năng  - Trình bày nguồn gốc hình thành Trái Đất, đặc điểm của trái đất, các vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất  - Phân biệt khoáng vật và đá, các nhóm đá theo nguồn gốc.  - Sử dụng các hình ảnh, mô hình để phân tích cấu trúc, đặc điểm của vỏ trái đất và nhận biết các loại đá chính.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí  - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh ..) khai thác internet phục vụ môn học.  – Năng lực văn dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn,  - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học  - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 6 | Bài 5. Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất | 3 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Phân tích được hệ quả địa lí của các chuyển động chính của Trái Đất chuyển động tự quay (sự luân phiên ngày đêm, quở trển Trái Đất); chuyển động quanh Mặt Trời (các mùa trong năm, ngày đêm dài ngắn theo vĩ độ).  - Liên hệ được thực tế địa phương về các mùa trong năm và chênh lệch thời gian ngày đêm.  - Sử dụng hình vẽ, bản đồ để phân tích được các hệ quả chuyển động của Trái Đất  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí  - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh khai thác internet phục vụ môn học)  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống.  - Năng lực chung: tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Hình thành thế giới quan khoa học, khách quan, bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên.  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học,  - Tôn trọng các quy luật tự nhiên. |  |
| 7 |
| 8 |
| 9 | Bài 6. Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được khái niệm thạch quyền, phân biệt được thạch quyền với vỏ Trái Đất. Trình bày được khái quát thuyết kiến tạo mảng, vận dụng để giải thích nguyên nhân hình thành các vùng núi trẻ, các vành đai động đất, núi lửa.  - Phân tích được sơ đồ, lược đó, tranh ảnh về chuyển động của các mảng kiến tạo.  - Nhận xét và giải thích sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa, là nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích hiện tượng và quá trình địa lí. Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, lược đồ, sơ đồ, mô hình, tranh ảnh..), khai thác internet phục vụ môn học.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  – Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. Bối đường lòng say mê tìm hiểu khoa học. |  |
| 10 |
| 11 | Bài 7. Nội lực và ngoại lực | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  – Trình bày được khái niệm nội lực và ngoại lực, nguyên nhân của chúng, tác động đến sự hình thành địa hình bề mặt Trái Đất.  - Phân tích được sơ đồ hình ảnh về tác động của nội lực, ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích hiện tượng và quá trình địa lí  – Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học.  – Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn.  3. Về phẩm chất  – Hình thành thế giới quan khoa học, khách quan, bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên.  – Bối đường lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 12 |
| 13 | Bài 8. Thực hành: Sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Nhận xét và giải thích được sự phân bố các vành đai động đất, núi lửa trên bản đồ - Đọc được bản đó vành đai động đất, núi lửa.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí.  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học.  -Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Tôn trọng các quy luật tự nhiên.  - Chia sẻ với người dân các nước có nhiều thiên tại. |  |
| **14** | **Ôn tập giữa kì I** | **1** | 1. Kiến thức:  Ôn tập, Hệ thống hoá, khái quát hoá kiến thức của các chương đã học:  - Một số vấn đề chung  - Chương I: Sử dụng bản đồ  - Chương II: Trái Đất  - Chương III: Thạch quyển  2. Năng lực:  - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  3. Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. |  |
| **15** | **Kiểm tra giữa kì I** | **1** | 1. Kiến thức:  - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh.  - Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.  - Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.  - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.  - Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng.  2. Năng lực:  - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  3. Phẩm chất: |  |
| 16 | Bài 9. Khí quyển, các yếu tố khí hậu | 4 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  – Nếu được khái niệm khí quyền.  - Trình bày được sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất theo vĩ độ, đại dương, địa hình.  - Trình bày được sự hình thành các đại khi áp trên Trái Đất, nguyên nhân của sự thay đổi khí áp.  - Trình bày được một số loại gió chính trên Trái Đất, một số loại gió địa phương  - Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến lượng mưa và trình bày được sự phân bố mưa trên thế giới.  - Phân tích được các số liệu, hình vẽ, bản đồ, lược đồ một số yếu tố của khí quyền (nhiệt độ, khí áp, gió, mưa,..)  - Giải thích được một số hiện tượng thời tiết và khí hậu trong thực tế.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sơ đồ, mô hình tranh ảnh,...), khai thác internet phục vụ môn học.  — Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn  - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  3. Phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.  - Tôn trọng các quy luật khí hậu. |  |
| 17 |
| 18 |
| 19 |
| 20 | Bài 10. Thực hành: Đọc bản đồ các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất, phân tích biểu đồ một số kiểu khí hậu | 1 | 1. Kiến thức:  - Đọc được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất; phân tích được biểu đồ một số kiểu khí hậu.  2. Năng lực:  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. Sử dụng được bản đồ các đới khí hậu trên Trái Đất để phân tích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.  + Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.  - Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:  + Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.  + Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng để giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến sự phân hóa các đới và các kiểu khí hậu trên Trái Đất.  3. Phẩm chất:  - Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. |  |
| 21 | Bài 11. Thủy quyển, nước trên lục địa | 2 | 1. Kiến thức:  - Nêu được khái niệm thủy quyển.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới chế độ nước sông và trình bày được chế độ nước của một con sông cụ thể.  - Phân biệt được các loại hồ theo nguồn gốc hình thành.  - Trình bày được đặc điểm chủ yếu của nước băng tuyết và nước ngầm.  - Vẽ được sơ đồ; phân tích hình vẽ về thủy quyển.  - Nêu được các giải pháp bảo vệ nguồn nước ngọt.  2. Năng lực:  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian.  - Sử dụng các công cụ địa lí, biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn  3. Phẩm chất:  - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nhất là nguồn nước) |  |
| 22 |
| 23 | Bài 12. Nước biển và đại dương | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được tính chất của nước biến và đại dương.  - Giải thích được hiện tượng sóng biển và thuỷ triều.  - Trình bày được chuyển động của các dòng biển trong đại dương.  - Nếu được vai trò của biên và đại dương đối với phát triển kinh tế - xã hội.  - Về được sơ đồ, phân tích được bản đồ và hình vẽ về nước biến và đại dương..  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian  giải thích hiện tượng và quá trình địa lí.  -Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sơ đồ, mô hình, bảng số liệu, tranh ảnh...), khai thác internet phục vụ môn học.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  -Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. |  |
| 24 |
| 25 | Bài 13. Thực hành: Phân tích chế độ nước của sông Hồng | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được chế độ nước của một con sống cụ thể (sông Hồng).  - Phân tích số liệu thống kê, vẽ biểu đồ lưu lượng nước sông và nhận xét chế độ nước sông  2. Về năng lực  – Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ của địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học.  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Phẩm chất:  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nhất là tài nguyên nước). |  |
| 26 | Bài 14. Đất trên Trái Đất | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được khái niệm về đất.  – Phân biệt được đất và vỏ phong hoá.  – Xác định được các tầng đất.  – Phân tích được năm nhân tố hình thành đất và liên hệ với đất địa phương.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các nhân tố tác động đến quá trình hình thành đất.  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (mô hình, tranh ảnh khai thác internet phục vụ môn học.)  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên.  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 27 |
| 28 | Bài 15. Sinh quyển | 2 | 1. Kiến thức:  - Trình bày được khái niệm sinh quyển; phân tích được đặc điểm và giới hạn của sinh quyển, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của sinh vật.  - Liên hệ được thực tế ở địa phương.  2. Năng lực:  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, xác định và lí giải được sự phân bố của sinh quyển.  - Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn  3. Phẩm chất:  - Tôn trọng sự tồn tại của các loài sinh vật trên Trái Đất.  - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập. |  |
| 29 |
| 30 | Bài 16. Thực hành: Tìm hiểu về sự phân bố đất và sinh vật trên Trái Đất | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Phân tích được sơ đồ, hình vẽ, bản đồ phân bố các nhóm đất và sinh vật trên Trái Đất  2. Về năng lực  – Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian. giải thích được các hiện tượng và quá trình địa lí (phân tích được sự phân bố đất và sinh vật.)  - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, sau đó, tranh ảnh khai thúc internet) phục vụ môn học.  - Năng lực chung: Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập. – Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên. |  |
| 31 |
| 32 | Bài 17. Vỏ địa lí, quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày khái niệm vỏ địa lí, phân biệt được vỏ địa lí và vỏ Trái Đất.  - Trình bày được khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của vỏ địa lí, liên hệ được thực tế ở địa phương.  - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí.  2. Về năng lực  – Năng lực nhận thức khoa học địa lí; nhận thức thế giới theo quan điểm không gian giải thích hiện tượng và quá trình địa lí.  – Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh, khai thác internet phục vụ môn học)  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn,  - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, hình thành thế giới quan khoa học khách quan.  – Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 33 | Bài 18. Quy luật địa đới và quy luật phi địa đới | 2 | 1. Về kiến thức kì năng  - Trình bày khái niệm, biểu hiện và ý nghĩa thực tiễn của quy luật địa đới và phi địa đới, liên hệ thực tế địa phương.  - Giải thích được một số hiện tượng phổ biến trong môi trường tự nhiên bằng các quy luật địa lí.  2. Về năng lực.  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhân thức thế giới theo quan điểm không gian.  - Năng lực tìm hiểu địa li: sử dụng các công cụ địa lí học (sơ đồ, mô hình, tranh ảnh, khai thác internet) phục vụ môn học..  - Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan,  - Bồi dương lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 34 |
| **35** | **Ôn tập cuối kì I** | **1** | 1. Kiến thức:  Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I:  - Một số vấn đề chung.  - Trái Đất.  - Thạch quyển.  - Khí quyển.  - Thủy quyển.  - Sinh quyển.  - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí  2. Năng lực:  - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  3. Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. |  |
| **36** | **Kiểm tra cuối kì I** | **1** | 1. Kiến thức:  Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I:  - Một số vấn đề chung.  - Trái Đất.  - Thạch quyển.  - Khí quyển.  - Thủy quyển.  - Sinh quyển.  - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí  2. Năng lực:  - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  3. Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. |  |
| 37 | Bài 19. Quy mô dân số, gia tăng dân số và cơ cấu dân số thế giới | 3 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được đặc điểm và tình hình phát triển dân số trên thế giới.  - Phân biệt được gia tăng dân số tự nhiên (tỉ suất sinh, tỉ suất tử) và cơ học (xuất cư nhập cư), trình bày được khái niệm về gia tăng dân số thực tế phân tích được các nhân tố tác động đến gia tăng dân số.  - Trình bày được các loại cơ cấu dân số; cơ cấu sinh học (tuổi và giới), cơ cấu xã hội (lao động trình độ văn hoá).  - So sánh được các loại tháp dân số tiêu biểu.  - Vẽ được biểu đồ về dân số (quy mô, động thái, cơ cấu).  - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số; xử lí số liệu.  - Giải thích được một số hiện tượng về dân số trong thực tiễn.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lý nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh....), khai thác internet phục vụ môn học.  – Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, văn dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình cảm yêu thương người lao động. thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau.  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học. |  |
| 38 |
| 39 |
| 40 | Bài 20. Phân bố dân cư và đô thị hóa trên thế giới | 2 | 1. Kiến thức, kĩ năng  - Phân tích được tác động của các nhân tố tự nhiên, kinh tế - xã hội đến phân bố dân cư.  - Trình bày khái niệm, phân tích được các nhân tố tác động đến đô thị hoá, ảnh hưởng của đô thị hóa đến sự phát triển kinh xã hội và môi trường  - Vẽ được biểu đồ dân số (quy mô động thái, cơ cấu..)  - Phân tích được biểu đồ, số liệu thống kê về dân số  1. Về năng lực  - Năng lực nhận thực khoa học địa lí, nhân chức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí,  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh), khai thác internet phục vụ môn học.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức để giải quyết vấn đề thực tiễn,  - Năng lực chung. Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học,  - Tình thành thế giới quan khoa học khách quan .  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học. |  |
| 41 |
| 42 | Bài 21. Các nguồn lực phát triển kinh tế | 1 | 1. Kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được khái niệm và phân loại các nguồn lực, phân tích được vai trò của mỗi nguồn lực đối với phát triển kinh tế.  - Phân tích được sơ đồ nguồn lực phát triển kinh tế.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thực khoa học địa lí, nhân chức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí,  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học (bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh), khai thác internet phục vụ môn học.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức để giải quyết vấn đề thực tiễn,  - Năng lực chung. Năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học,  - Tình thành thế giới quan khoa học khách quan .  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học. |  |
| 43 | Bài 22. Cơ cấu kinh tế, tổng sản phẩm trong nước và tổng thu nhập quốc gia | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được khái niệm cơ cấu kinh tế, phân biệt được các loại cơ cấu kinh tế the ngành, theo thành phần kinh tế, theo lãnh thổ  - So sánh được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế, tổng sản phẩm trong nước (GDP), tổng thu nhập quốc gia (GNI), GDP và GNT bình quân đầu người.  - Liên hệ được một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế ở địa phương.  - Vẽ được biểu đồ cơ cấu nền kinh tế và nhận xét, giải thích,  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, phân tích các mối liên hệ giữa các hiện tượng quá trình địa lí tự nhiên với các đối tượng kinh tế - xã hội  -Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học (bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh...), khai thác internet phục vụ môn học.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế và dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học..  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học. |  |
| 44 |
| 45 | Bài 23. Vai trò, đặc điểm, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được vai trò, đặc điểm của nông nghiệp, làm nghiệp, thuỷ sản  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố nông nghiệp, làm nghiệp, thuỷ sản.  - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp, làm nghiệp, thuỷ sản ở địa phương.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa là nhận thức thể giới theo quan, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, phần tích các mối liên hệ giữa các hiện tượng, quá trình địa lí tự nhiên và các đối tượng kinh tế - xã hội.  - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí phục vụ môn học  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế.  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực quyết vấn đề và sáng tạo  3. Về phẩm chất  – Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Có ý thức trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường |  |
| 46 | Bài 24. Địa lí ngành nông nghiệp | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong nông nghiệp.  - Trình bày và phải thích được sự phân bố của một số cây trồng, vật nuôi chính trên thế giới.  - Vân dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp  - Đọc được bản đồ, xử lí, phân tích số liệu thống kê và vẽ được biểu đó về nông nghiệp.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí.  - Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học như bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đó, tranh ảnh...) khai thác internet phục vụ môn học.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn để và sáng tạo.  2. Về phẩm chất  - Chăm chỉ trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học  "Tách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên phát triển nông nghiệp bên vững. |  |
| 47 |
| 48 | Bài 25. Địa lí ngành lâm nghiệp và ngành thủy sản | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được vai trò, đặc điểm của các ngành trong lâm nghiệp thuỷ sản.  - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất làm nghiệp thuỷ sản ở địa phương.  - Đọc được bản đồ, xử lí, phân tích được số liệu thống kê và vẽ được biểu đó về làm nghiệp, thuỷ sản.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí.  - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ như: bản đồ, sơ đồ, bảng số liệu, biểu đồ, tranh ảnh.. khai thác mternet phục vụ môn học  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học  - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên để phát triển lâm nghiệp và thuỷ sản bên vùng |  |
| 49 | Bài 26. Tổ chức lãnh thổ nông nghiệp, một số vấn đề phát triển nông nghiệp hiện đại trên thế giới và định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được quan niệm, vai trò của tổ chức lãnh thổ nông nghiệp; phân biệt được vai trò, đặc điểm một số hình thức tổ chức lãnh thổ nông nghiệp.  - Nếu được một số vấn đề phát triển nền nông nghiệp hiện đại trên thế giới.  - Phân tích được những định hướng phát triển nông nghiệp trong tương lai.  - Vận dụng được các kiến thức đã học vào việc giải thích thực tế sản xuất nông nghiệp làm nghiệp, thuỷ sản ở địa phương.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thất thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí.  -Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học, khai thúc internet phục vụ  môn học  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học cập nhật thông tin và liên hệ thực tế vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác nhằm giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp là tài nguyên thiên nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững |  |
| 50 | Bài 27. Thực hành: Vẽ và nhận xét biểu đồ về sản lượng lương thực của thế giới | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Xử lí, phân tích được bảng số liệu thống kê.  - Vẽ được biểu đồ nông, lâm, thủy sản.  - Nhận xét theo yêu cầu.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thất thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí.  -Năng lực tìm hiểu địa lí, sử dụng các công cụ địa lí học, khai thúc internet phục vụ môn học.  - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, phát triển nông nghiệp bền vững |  |
| **51** | **Ôn tập giữa kì II** | **1** | 1. Kiến thức:  - Giúp HS nắm bắt lại một số vấn đề, nội dung kiến thức quan trọng ở một số bài học ở chương 8, Chương 9, Chương 10 (hết bài 27).  - Hệ thống hóa được kiến thức cơ bản, nắm vững, khác sâu kiến thức sau khi đã học.  2. Năng lực:  - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  3. Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. |  |
| **52** | **Kiểm tra giữa kì II** | **1** | 1. Kiến thức:  - Chương 8: Địa lí dân cư.  - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế.  - Chương 10: Địa lí các ngành kinh tế ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (hết bài 27)  2. Năng lực:  - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  3. Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. |  |
| 53 | Bài 28. Vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp và các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố công nghiệp | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phần bố công nghiệp.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học, nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, xác định và lý giải được sự phân bố của các đối tượng địa lí.  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học (tìm kiếm, thu thập chọn lọc và hệ thống hóa các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiền).  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin này để cập nhật số hiện, tri thức liên hệ được thực tế địa phương, đất nước... để làm sáng tỏ hơn kiến thức địa lí: vận dụng được các kiến thức, kỹ năng địa lí để giải quyết một số vấn để thực tiễn phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống.  - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo  3. Về phẩm chất  - Rèn luyện tính chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.  - Giáo dục thế giới quan khoa học.  - Ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 54 | Bài 29. Địa lí một số ngành công nghiệp | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được vai trò đặc điểm và giải thích được sự phân bố của một số ngành khai thác than, dầu khí, quặng kim loại, điện lực, điện tử- tin học, sản xuất hàng tiêu dùng, thực phẩm.  - Đọc được bản đồ công nghiệp và phân tích được biểu đồ công nghiệp  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, năng lực nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa li.  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học, khai thúc internet phục vụ môn học  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học tìm kiếm thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu, tri thức liên hệ được thực tế địa phương, đất nước .... làm sáng tỏ hơn kiến thức địa lí.  - Năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, quyết vấn đề và sáng tạo  3. Về phẩm chất  -Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học, bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học.  - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan, tình yêu thiên nhiên, tình cảm yêu thương người lao động, thái độ tôn trọng những giá trị nhân văn khác nhau. |  |
| 55 |
| 56 | Bài 30. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp | 1 | 1. Kiến thức:  - Trình bày được quan niệm và vai trò của tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  - Phân biệt được vai trò và đặc điểm của các hình thức tổ chức lãnh thổ công nghiệp.  2. Năng lực:  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian  - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn  3. Phẩm chất:  - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có trách nhiệm trong việc tìm hiểu, nghiên cứu và tham gia các hoạt động sản xuất phù hợp với bản thân. Hiểu và có trách nhiệm đối với sự phát triển nền công nghiệp trong tương lai. |  |
| 57 | Bài 31. Tác động của công nghiệp đối với môi trường, phát triển năng lượng tái tạo, định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai. | 1 | 1. Kiến thức:  - Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường.  - Phân tích được sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.  - Nêu được những định hướng phát triển công nghiệp trong tương lai.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí.  - Năng lực tìm hiểu địa là sử dụng các công cụ của địa lí học, khai thác internet phục vụ bộ môn.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học, cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, văn dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn để và sáng tạo  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 58 | Bài 32. Thực hành: Viết báo cáo tìm hiểu một vấn đề về công nghiệp | 1 | 1. Kiến thức:  - Thu thập tài liệu về một vấn đề công nghiệp.  - Trình bày và báo cáo được một vấn đề về công nghiệp.  2. Năng lực:  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian  - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn  3. Phẩm chất:  - Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức phát triển kinh tế trong tương lai. |  |
| 59 | Bài 33. Cơ cấu, vai trò, đặc điểm các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ | 1 | 1. Kiến thức:  - Trình bày được vai trò, đặc điểm, cơ cấu của dịch vụ.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố dịch vụ.  2. Năng lực:  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian  - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn  3. Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức trách nhiệm trong việc tham gia phát triển các ngành kinh tế phù hợp với năng lực bản thân (nhất là lĩnh vực dịch vụ). |  |
| 60 | Bài 34. Địa lí ngành giao thông vận tải | 2 | 1. Kiến thức:  - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành giao thông vận tải.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của giao thông vận tải.  - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và ngành giao thông vận tải.  - Liên hệ được các hoạt động giao thông vận tải tại địa phương.  2. Năng lực:  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian  - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn  3. Phẩm chất:  - Đồng cảm với những địa phương, vùng miền, quốc gia còn khó khăn trong điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là GTVT và bưu chính viễn thông.  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực học tập để mai sau đóng góp công sức cho việc xây dựng quê hương đất nước. Bảo vệ và giữ gìn mạng lưới GTVT. Xây dựng môi trường văn hóa trong tham gia giao thông. |  |
| 61 |
| 62 | Bài 35. Địa lí ngành bưu chính viễn thông | 1 | 1. Kiến thức:  - Trình bày được vai trò, đặc điểm của ngành bưu chính viễn thông.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển, phân bố của bưu chính viễn thông.  - Trình bày được tình hình phát triển, phân bố và ngành bưu chính viễn thông.  - Liên hệ được các hoạt động bưu chính viễn thông ở địa phương.  2. Năng lực:  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không giang.  - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn  3. Phẩm chất:  - Đồng cảm với những địa phương, vùng miền, quốc gia còn khó khăn trong điều kiện cơ sở hạ tầng, nhất là GTVT và bưu chính viễn thông.  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực học tập để mai sau đóng góp công sức cho việc xây dựng quê hương đất nước. Bảo vệ và giữ gìn mạng lưới bưu chính viễn thông. Xây dựng môi trường văn hóa khi sử dụng bưu chính viễn thông. |  |
| 63 | Bài 36. Địa lí ngành du lịch | 1 | 1. Kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành du lịch.  - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố của du lịch.  -Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành du lịch trên thế giới.  - Vẽ được biểu đồ và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê du lịch.  - Liên hệ được các hoạt động du lịch ở địa phương.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí, nhận thực thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí  - Năng lực tìm hiểu địa lí sử dụng các công cụ địa lí học, khai thác internet phục vụ môn học.  -Năng lục vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải vấn để và sàng tạo.  3. Về phẩm chất  -Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 64 | Bài 37. Địa lí ngành thương mại và ngành tài chính ngân hàng | 2 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được vai trò và đặc điểm của ngành thương mại và tài chính ngân hàng. Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành thương mại và tài chính ngân hàng.  - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố ngành thương mại và tài chính ngân hàng trên thế giới.  - Vẽ được biểu đồ, sơ đồ; đọc và phân tích được bản đồ, số liệu thống kê ngành thương mại và tài chính ngân hàng.  - Liên hệ được các hoạt động thương mại và tài chính ngân hàng ở địa phương.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa là nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích hiện tượng và quá trình địa lí, phân tích các mới liên hệ giữa các hiện tượng, quá trinh địa lí.  - Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng các công cụ địa lí học như bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh.. khai thác internet phục vụ môn học...  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhất thông tin và liên hệ thực tế, vận dung tri thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan,  - Bối dưỡng lòng say mẻ tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm và hành động cụ thể trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 65 |
| 66 | Bài 38. Thực hành: Viết báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  Viết được báo cáo tìm hiểu về một ngành dịch vụ.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức khoa học địa lí giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí  -Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: cập nhật thông tin và liên hệ thực tế, vận dụng trí thức địa lí giải quyết vấn đề thực tiễn.  - Năng lực chung; năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ, trung thực trong học tập và nghiên cứu khoa học.  - Hình thành thế giới quan khoa học khách quan.  - Bồi dưỡng lòng say mê tìm hiểu khoa học, có ý thức, trách nhiệm trong việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. |  |
| 67 | Bài 39. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên | 1 | 1. Kiến thức:  - Phân biệt được khái niệm, đặc điểm của môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Phân tích được vai trò của môi trường, tài nguyên thiên nhiên đối với sự phát triển của xã hội loài người.  2. Năng lực:  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian  - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí, biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ…Biết khai thác Internet phục vụ trong việc học tập môn Địa lí.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn  3. Phẩm chất:  - Chăm chỉ: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Có ý thức bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lí và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên. |  |
| 68 | Bài 40. Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh | 1 | 1. Về kiến thức, kĩ năng  - Trình bày được khái niệm và sự cần thiết phải phát triển bền vững  - Trình bày được khái niệm và sự biểu hiện của tăng trưởng xanh. Liên hệ được một số vấn đề về tăng trưởng xanh tại địa phương.  2. Về năng lực  - Năng lực nhận thức địa là: giải thích được những hệ quả do con người tác động đến môi trường tự nhiên; giải thích được tính cấp thiết của việc sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.  - Năng lực tìm hiểu địa lí: tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web, đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.  - Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng địa lí vào cuộc sống vận dụng được các kiến thức, kĩ năng địa lí để giải quyết một số vấn đề thực tiền phù hợp với trình độ học sinh và ứng xử phù hợp với môi trường sống.  - Năng lực chung: năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực tự chủ và tự học, năng lực giải quyết vấn đề.  3. Về phẩm chất  - Chăm chỉ.  -Trung thực, yêu thiên nhiên, có trách nhiệm bảo vệ tài nguyên, môi trường |  |
| **69** | **Ôn tập cuối kì II** | **1** | 1. Kiến thức:  - Giúp HS ôn tập, củng cố nội dung kiến thức và kỹ năng trong học kì II:  Chương 8, 9, 10, 11, 12, 13.  2. Năng lực:  - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  3. Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. |  |
| **70** | **Kiểm tra cuối kì II** | **1** | 1. Kiến thức:  - Chương 8: Địa lí dân cư.  - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế.  - Chương 10: Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.  - Chương 11: Địa lí ngành công nghiệp  - Chương 12: Địa lí ngành dịch vụ  - Chương 13: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.  2. Năng lực:  - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  3. Phẩm chất:  - Phẩm chất: Yêu nước; Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. |  |

**2. Chuyên đề lựa chọn**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự tiết** | **Chuyên đề** | | **Thời gian** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 - 10 | Biến đổi khí hậu  -Khái niệm, biểu hiện.  -Nguyên nhân.  -Tác động.  -Ưng phó. | | Tuần 10, sau bài 10 | 10  2  2  3  3 | **1. Kiến thức:**  - Trình bày được khái niệm, các biểu hiện của biến đổi khí hậu.  - Giải thích được nguyên nhân của biến đổi khí hậu.  - Phân tích được các tác động của biến đổi khí hậu và hậu quả trên phạm vi toàn cầu.  - Giải thích được tầm quan trọng và sự cấp bách của ứng phó với biến đổi khí hậu.  - Hệ thống hóa được các nhóm giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.  **2. Năng lực:**  - Nhận thức khoa học địa lí:  + Phân tích được khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.  - Tìm hiểu địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh,…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về khái niệm, biểu hiện, nguyên nhân, tác động, hậu quả, tầm quan trọng và sự cấp bách cần phải có các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu.  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có trách nhiệm trong việc chống biến đổi khí hậu. |
| 11 - 25 | Đô Thị Hóa  -Khái niệm, ĐTH ở các nước phát triển  - ĐTH ở các nước đang phát triển  -Tác động của ĐTH ở các nước đang phát triển | | Tuần 21, sau bài 20 | 15  5  5  5 | **1. Kiến thức:**  - Trình bày được khái niệm về đô thị hóa theo nghĩa hẹp và nghĩa rộng. Nêu được ý nghĩa của tỉ lệ dân thành thị.  - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển. Phân biệt được quy mô của các đô thị. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước phát triển.  - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước phát triển.  - Phân tích được đặc điểm đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Nhận xét và giải thích được xu hướng đô thị hóa ở các nước đang phát triển. Phân tích được tác động tích cực và tiêu cực của quá trình đô thị hóa đến dân số, kinh tế, xã hội và môi trường ở các nước đang phát triển. Liên hệ được với thực tế Việt Nam.  - So sánh được đặc điểm đô thị hóa giữa hai nhóm nước: phát triển, đang phát triển.  - Xác định được trên bản đồ thế giới một số siêu đô thị.  - Vẽ được biểu đồ cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn của thế giới hoặc một số nước.  **2. Năng lực:**  - Nhận thức khoa học địa lí:  + Sử dụng được bản đồ để xác định được tỉ lệ dân thành thị, quy mô dân số đô thị.  - Tìm hiểu địa lí:  + Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…  + Biết đọc và sử dụng bản đồ, Atlat Địa lí Việt Nam.  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Tìm kiếm được các thông tin và nguồn số liệu tin cậy về đô thị hóa.  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. Có nhận thức đúng đắn về quá trình đô thị hóa nước ta. |
| 26 - 35 | Phương pháp viết báo cáo địa lí  -Những vấn đề chung.  -Quy trình viết BC.  -Thực hành viết BC | Tuần 27, sau kiểm tra giữa kì 2. | | 10  3  4  3 | - Nêu được quan niệm về báo cáo địa lí.  - Trình bày được cấu trúc của một báo cáo địa lí.  - Xác định được các bước cần thực hiện để viết một báo cáo địa lí: chọn đề tài, xây dựng đề cương; thu thập, chọn lọc, xử lí và hệ thống hóa dữ liệu; trình bày báo cáo.  - Xác định được ý tưởng và chọn đề tài báo cáo địa lí.  - Xác định được cấu trúc của một đề cương báo cáo khoa học và nội dung chính xác của các đề mục.  - Xác định và hình thành được kĩ năng thu thập, chọn lọc, xử lí thông tin, hệ thống hóa thông tin.  - Xác định được các hình thức trình bày báo cáo.  - Trình bày được kĩ thuật viết một báo cáo địa lí; hình thành được kĩ năng viết và trình bày báo cáo địa lí. |

**3. Kiểm tra, đánh giá định kỳ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Bài kiểm tra, đánh giá** | **Thời gian** | **Thời điểm** | **Yêu cầu cần đạt** | **Hình thức** |
| Giữa Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 8 | **1. Kiến thức:**  - Môn Địa lí với định hướng nghề nghiệp cho học sinh.  - Phương pháp biểu hiện các đối tượng địa lí trên bản đồ.  - Sử dụng bản đồ trong học tập và đời sống, một số ứng dụng của GPS và bản đồ số trong đời sống.  - Sự hình thành Trái Đất, vỏ Trái Đất và vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất.  - Hệ quả địa lí các chuyển động của Trái Đất.  - Thạch quyển, thuyết kiến tạo mảng.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |
| Cuối Học kỳ 1 | 45 phút | Tuần 18 | **1. Kiến thức:**  Kiểm tra mức độ hiểu kiến thức, kỹ năng đã học tập và rèn luyện trong học kì I:  - Một số vấn đề chung.  - Trái Đất.  - Thạch quyển.  - Khí quyển.  - Thủy quyển.  - Sinh quyển.  - Một số quy luật của lớp vỏ địa lí  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |
| Giữa Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 26 | **1. Kiến thức:**  - Chương 8: Địa lí dân cư.  - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế.  - Chương 10: Địa lí các ngành kinh tế ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản (hết bài 27)  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |
| Cuối Học kỳ 2 | 45 phút | Tuần 35 | **1. Kiến thức:**  - Chương 8: Địa lí dân cư.  - Chương 9: Các nguồn lực, một số tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế.  - Chương 10: Địa lí ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.  - Chương 11: Địa lí ngành công nghiệp  - Chương 12: Địa lí ngành dịch vụ  - Chương 13: Phát triển bền vững và tăng trưởng xanh.  **2. Năng lực:**  - Năng lực chung:Năng lực giao tiếp và hợp tác; Năng lực tự chủ, tự học; Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.  - Năng lực chuyên biệt: Nhận thức khoa học địa lí; Tìm hiểu địa lí; Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.  **3. Phẩm chất:**  - Phẩm chất: Nhân ái; Trung thực; Chăm chỉ; Trách nhiệm. | Viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận): 70% TN - 30% TL |

**III. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC CỦA TỔ CHUYÊN MÔN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề hoạt động** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số tiết** | **Thời điểm** | **Địa điểm** | **Chủ trì** | **Phối hợp** | **Điều kiện thực hiện** |
| **1** | Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên địa phương | **1. Kiến thức**  - Có những hiểu biết cơ bản về tự nhiên(địa hình, khí hậu, đất, sông ngòi..) của địa phương.  - Biết các mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên.  - Đề xuất biện pháp bảo vệ thiên nhiên tại địa phương.  **2. Năng lực**  - Nhận thức khoa học địa lí:  + Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian, giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Phát hiện và giải thích được sự phân bố đối tượng địa lí.  - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn địa phương.  **3. Phẩm chất:**  - Tôn trọng sự tồn tại của các nhân tố tự nhiên.  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Có ý thức bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường. | **4** | Tuần 20 | Huyện Đại Lộc | Nhóm Địa lí | Tổ bộ môn | HS tự túc kinh phí, hình thành nhóm học sinh theo địa phương thực hiện |
| **2** | Tham quan tìm hiểu về làng nghề, vấn đề môi trường làng nghề... | **1. Kiến thức**  - Có được các thông tin cơ bản về làng nghề.  - Biết được điều kiện sản xuất, việc sử dụng lao động, nguyên liệu sản xuất, giá trị sản phẩm của làng nghề..  - Biết được những tác động của môi trường của làng nghề đến tự nhiên, đời sống địa phương.   - Đề xuất được các biện pháp hạn chế tác động của môi trường nhằm phát triển bền vững.  **2. Năng lực**  - Nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian  - Tìm hiểu địa lí: Sử dụng các công cụ địa lí: Biết tìm kiếm, chọn lọc và khai thác thông tin văn bản, tranh ảnh, bản đồ, Atlat…  - Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn  **3. Phẩm chất:**  - Tôn trọng các ngành nghề, tôn trọng thiên nhiên.  - Chăm chỉ: Có ý thức đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của cá nhân; Những thuận lợi và khó khăn để xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập. Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.  - Trung thực trong học tập.  - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. | **4** | Tuần 33 | Làng nghề làm trống Lâm Yên | Nhóm Địa lí | Tổ bộ môn | Xin hỗ trợ kinh phí đi lại cho học sinh. |
| **3** | Tổ chức sinh hoạt tập thể(rung chuông vàng, hành trình khám phá..) bổ trợ kiến thức | **1. Kiến thức**  - Củng cố kiến thức, khắc sâu kiến thức  - Tăng cường luyện tập, thực hành, vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn  **2. Năng lực**    - Năng lực tự chủ và tự học, giúp đỡ được các bạn khác vươn lên, tự lực trong học tập. Biết khẳng định và bảo vệ quan điểm, nhu cầu tự học, tự tìm hiểu của bản thân.  - Năng lực giao tiếp và hợp tác: Xác định mục đích, nội dung, phương tiện và thái độ giao tiếp: biết lựa chọn nội dung giao tiếp phù hợp với hình thức hoạt động cá nhân/cặp/nhóm.  - Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết xác định và làm rõ thông tin từ nguồn thông tin SGK, Atlat, ..  **3. Phẩm chất:**  - Chăm chỉ; Trách nhiệm.  - Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân. Sẵn sàng chịu trách nhiệm về lời nói và hành động của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập. | **4** | Tuần 22 | Nhà đa năng | Nhóm Địa lí | Tổ bộ môn | Âm thanh, tivi lớn và xin kinh phí phát thưởng |

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔ PHÓ CM** | Đại Lộc, ngày 04 tháng 10 năm 2022  **HIỆU PHÓ CHUYÊN MÔN** |

1. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-1)
2. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-2)
3. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-3)
4. Theo Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. [↑](#footnote-ref-4)
5. Đối với tổ ghép môn học: khung phân phối chương trình cho các môn [↑](#footnote-ref-5)